

Số: 33 /2026/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 01 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; phân cấp quản lý và giao khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 490/TTr-SNNMT ngày 29/5/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; phân cấp quản lý và giao khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; phân cấp quản lý và giao khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12/7/2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định: Số 28/2021/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ) ban hành Quy định quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi và phạm vi vùng phụ

cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^(Phong)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

QUY ĐỊNH

**Quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi;
phân cấp quản lý và giao khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

*(Kèm theo Quyết định số: 33 /2026/QĐ-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; phân cấp quản lý và giao khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng là cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi; Ủy ban nhân dân xã, phường (cấp xã); các doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân được giao quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

1. Quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; phân cấp quản lý và giao khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi phải bảo đảm tính hệ thống, kết hợp quản lý theo lưu vực và địa giới hành chính. Bảo đảm an toàn, khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho sản xuất, dân sinh, kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

2. Việc quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi từ đầu mối đến kênh mương mặt ruộng do doanh nghiệp, tổ chức có năng lực và kinh nghiệm quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Tăng cường vai trò của chính quyền địa phương và nhân dân trong việc tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ, nhằm phát huy hiệu quả công trình thủy lợi.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

1. Quy mô công trình thủy lợi nội đồng được quy định theo diện tích tưới,

tiêu thiết kế của khu vực tưới, tiêu quy định như sau:

a) Đối với kênh tưới và tưới tiêu kết hợp từ sau vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu vực tưới, tiêu có diện tích thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 50 ha.

b) Đối với kênh tiêu, hệ thống kênh tiêu từ khu vực tiêu đến trước vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi có diện tích thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 100 ha.

2. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là vị trí được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý các công trình thủy lợi do tổ chức thủy lợi cơ sở (hợp tác xã, tổ hợp tác) đang trực tiếp quản lý, khai thác, bảo vệ và các công trình thủy lợi nội đồng có quy mô công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 3 quy định này nằm trên địa bàn quản lý; trừ các công trình thủy lợi phục vụ liên cấp xã.

Điều 5. Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

1. Giao các Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi: Trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi hiện đang quản lý; tiếp nhận quản lý vận hành khai thác các công trình thủy lợi khác khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Giao các tổ chức thủy lợi cơ sở: Trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi hiện đang quản lý và các công trình thủy lợi nội đồng thuộc phạm vi quản lý cấp nước của các tổ chức thủy lợi cơ sở.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực thủy lợi theo quy định hiện hành.

b) Đôn đốc, tổng hợp danh mục công trình thủy lợi phân cấp quản lý theo quy định này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực thủy lợi theo quy định hiện hành.

b) Chủ trì, chỉ đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị,

tổ chức thủy lợi cơ sở (hợp tác xã, tổ hợp tác) phối hợp với các Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi (xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn) xác định điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi; thống kê danh mục công trình thủy lợi phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

3. Các Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi:

a) Có trách nhiệm rà soát các công trình xây dựng mới và xóa bỏ, tổng hợp và đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh danh mục công trình giao quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn phù hợp với quy hoạch, phương án phát triển thủy lợi đã được phê duyệt.

b) Thống kê danh mục công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện. Phối hợp với cấp xã xác định điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi; thống kê danh mục công trình thủy lợi phân cấp cho cấp xã quản lý.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.